

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 19-01-2021.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hồng Phượng và ông Nguyễn Đình Hùng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 911/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/10/2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1967; HKTT: Ấp S 3, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: 6/2/2A, tổ 10, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đặng Thành V, sinh năm 1974; HKTT: Số nhà 6/2/2A, tổ 10, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà B, ông V vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị Kim B trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim B và ông Đặng Thành V về chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ngày 22/01/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số I/97. Hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà ngày càng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, cuộc sống chung của vợ chồng bà không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân nhau 03 năm nay. Từ khi sống ly

thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Thành V.

Về con chung: Bà B, ông V có 03 con chung tên Đặng Nhật T, sinh ngày 17/9/1997; Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 19/9/1999 và Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 21/11/2002. 03 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn ông Đặng Thành V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thống nhất quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian ly thân như bà B trình bày là đúng. Ông cũng xác định đời sống hôn nhân của ông và bà B không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng ông bà không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau mà mạnh ai người đó sống. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với bà B. Ông không đồng ý ly hôn nhưng vẫn mong Tòa án giải quyết theo yêu cầu ly hôn của bà B.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng ông bà có 03 con chung tên Đặng Nhật T, sinh ngày 17/9/1997; Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 19/9/1999 và Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 21/11/2002. 03 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết: Bà B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thành V, HKTT: Tổ 10, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà B và bị đơn ông V vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông V tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ngày 22/01/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số I/97 theo đúng quy định tại các điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân của ông, bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

**2.2.** Xét yêu cầu ly hôn của bà B xét thấy:

Toà án đã tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B, ông V đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân nhau 03 năm nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay bà B kiên quyết ly hôn, còn ông V không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với bà B. Ông không đồng ý ly hôn nhưng vẫn mong Toà án giải quyết theo yêu cầu ly hôn của bà B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà B, ông V là có thật, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của bà B về việc xin ly hôn với ông V là có cơ sở để chấp nhận.

**2.3.** Về con chung: Bà B, ông V có 03 con chung tên Đặng Nhật T, sinh ngày 17/9/1997; Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 19/9/1999 và Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 21/11/2002. 03 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**2.4.** Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**2.5.** Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bà B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B về việc “Ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim B được ly hôn với ông Đặng Thành V.

2. Về con chung: 03 con chung tên Đặng Nhật T, sinh ngày 17/9/1997; Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 19/9/1999 và Đặng Thị Thanh T, sinh ngày 21/11/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0004958 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Bà B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim B và ông Đặng Thành V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**

